

Số: 56/2005/QĐ-UB

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 4 năm 2005

**QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
Về phê duyệt điều chỉnh phương án bù giá nước sạch
cung cấp cho huyện Cần Giờ**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003 ;

- Căn cứ Quyết định số 61/2001/QĐ-UB ngày 23 tháng 7 năm 2001 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt phương án bù giá nước sạch cung cấp cho huyện Cần Giờ;

- Căn cứ Quyết định số 154/2004/QĐ-UB ngày 15 tháng 6 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh giá nước sạch trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

- Xét Tờ trình số 1311/LS-TC-GTCC ngày 01 tháng 3 năm 2005 của Liên Sở Tài chính - Sở Giao thông Công chính về điều chỉnh phương án bù giá nước sạch cung cấp cho huyện Cần Giờ;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Nay phê duyệt điều chỉnh phương án bù giá nước sạch cung cấp cho huyện Cần Giờ như sau:

1.1- Đơn giá cung cấp một mét khối (m^3) nước được ấn định thống nhất trên toàn địa bàn huyện Cần Giờ như sau:

- Nước sử dụng cho sinh hoạt: 5000 đồng/ m^3 .
- Nước sử dụng cho sản xuất: 7.300 đồng/ m^3 .
- Nước sử dụng cho kinh doanh thương mại, dịch vụ: 9.800 đồng/ m^3 .

1.2- Đơn giá nước cấp bù:

TT	Các địa điểm cung cấp nước	Đơn giá cấp bù nước sinh hoạt (đồng/ m^3)	Đơn giá cấp bù nước sản xuất (đồng/ m^3)	Đơn giá cấp bù nước KD dịch vụ (đồng/ m^3)
01	Hào Vĩ-Long Hòa	18.015	15.715	13.215
02	Hòa Hiệp-Long Hòa	22.785	20.485	17.985

03	Đồng Hòa-Long Hòa	23.580	21.280	18.780
04	Bình Phước-Bình Khánh	9.300	7.000	5.000
05	Bình Thạnh-Bình Khánh	10.890	8.590	6.090
06	An Hòa-Tam Thôn Hiệp	13.245	10.945	8.445
07	An Lộc-Tam Thôn Hiệp	13.245	10.945	8.445
08	Trần Hưng Đạo- TTHiệp	11.655	9.355	6.855
09	An Hòa-An Thới Đông	12.980	10.680	8.180
10	Đoi Lầu-An Thới Đông	16.160	13.860	11.360
11	An Nghĩa-An Thới Đông	14.040	11.740	9.240
12	Trường Cai nghiệm TNXP	15.365	13.065	10.565
13	Vàm Sát 1- Lý Nhơn	14.835	12.535	10.035
14	Vàm Sát 2- Lý Nhơn	15.100	12.800	10.300
15	Lý Thái Bửu- Lý Nhơn	16.690	14.390	11.890
16	Tân Điền- Lý Nhơn	16.955	14.655	12.155
17	Thiềng Liềng-Thạnh An	19.010	16.710	14.210
18	Thạnh Hòa-Thạnh An	21.130	18.830	16.330
19	Các Tiểu khu rừng phòng hộ	8.830	6.530	5.000
20	Xã Cần Thạnh	19.720	17.420	14.920

1.3- Thời điểm thực hiện điều chỉnh cấp bù giá nước: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký cho đến khi huyện Cần Giờ được hòa vào mạng phân phối nước chung của thành phố. Giao Sở Tài chính xem xét, đề xuất bổ sung kinh phí cấp bù cho huyện Cần Giờ đối với phần chênh lệch giá mua nước của Công ty Cấp nước kể từ tháng 7 năm 2004 (theo Quyết định số 154/2004/QĐ-UB ngày 15 tháng 6 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố) cho đến thời điểm có hiệu lực của Quyết định này.

1.4- Chấp thuận cho huyện Cần Giờ được mua bổ sung nguồn nước bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng để cung cấp cho nhân dân chỉ khi Công ty Cấp nước xác nhận không cung cấp đủ lượng nước theo yêu cầu; khối lượng nước bổ sung này cũng được cấp bù theo nguyên tắc tương đương như đối với lượng nước mua từ Công ty Cấp nước và theo cự ly vận chuyển phù hợp.

1.5- Giao Sở Tài chính bổ sung dự toán chi thường xuyên cho ngân sách huyện Cần Giờ để thực hiện việc quản lý công tác cấp bù giá nước sạch. Sở Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ thực hiện, thanh quyết toán các chi phí này theo đúng quy định.

1.6- Các điều khoản khác của Quyết định số 61/2001/QĐ-UB ngày 23 tháng 7 năm 2001 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt phương án bù giá nước cung cấp cho huyện Cần Giờ không thay đổi.

Điều 2. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Giao thông - Công chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ, Giám đốc Công ty Cấp nước thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như điều 2.
- Thường trực Thành ủy.
- Thường trực HĐND.TP.
- Thường trực UBND.TP.
- UB Mặt trận tổ quốc TP
- Các báo đài thành phố.
- VPHĐ-UB: CPVP.
Tổ TH, ĐT-MT, TM.
- Lưu (ĐT-Th)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Đua